

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới;
thủ tục hành chính bãi bỏ trong lĩnh vực Quản lý nhà nước về hội, quỹ thực hiện
trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính
phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5
năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính
phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ
tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục
hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của
Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực
hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 817/QĐ-BNV ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng
Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP
ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội,
quỹ từ thiện và Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2024 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 343/TTr-SNV ngày 27
tháng 11 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố 14 thủ tục hành chính ban hành mới và 09 thủ tục hành chính
bãi bỏ trong lĩnh vực Quản lý nhà nước về hội, quỹ thực hiện trên địa bàn tỉnh Kon
Tum (có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2024 và bãi bỏ các thủ tục hành chính số: 26, 27, 28, 29, 33, 34, 35, 36, 37 mục V Phần A Phụ lục danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa ngành Nội vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính Nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo các nội dung được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định. Chỉ đạo thực hiện việc cập nhật, công khai dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo đúng hướng dẫn tại Công văn số 143/UBND-TTHCC ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Cục kiểm soát TTHC - VPCP (để b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + CVP, các PCVP (để t/d);
 - + Phòng Nội chính (để t/h);
 - + Trung tâm PVHCC tỉnh (để t/m).
- Viễn thông Kon Tum (để p/h);
- Lưu: VT, TTHCC.VTH.



CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Tuấn

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI VÀ DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC
LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘI, QUỸ THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM
(Kèm theo Quyết định số: 699 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI: 14 TTHC

TT	Tên lĩnh vực/ Tên thủ tục hành chính/ mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Trực tiếp	Trực tuyến	BCCI
I	TTHC CẤP TỈNH: 07 TTHC							
01	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ/ 1.013017.H34	60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ và ý kiến của các cơ quan liên quan về việc cấp giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ quỹ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện. - Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP của Chính phủ.	x	x	x
02	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ/ 1.013018.H34	- 60 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đủ hồ sơ hợp lệ về việc công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ. - 60 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đủ hồ sơ hợp lệ và ý kiến của các cơ quan liên quan về việc công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		x	x	x

03	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ/ 1.013019.H34	- 60 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đủ hồ sơ hợp lệ và ý kiến của các cơ quan liên quan về việc công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; - 60 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đủ hồ sơ hợp lệ về việc đổi tên quỹ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện. - Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP của Chính phủ.	x	x	x
04	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ/ 1.013020.H34	60 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đơn hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		x	x	x
05	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động/ 1.013021.H34	60 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đủ hồ sơ hợp lệ và ý kiến của các cơ quan liên quan về việc cho phép quỹ hoạt động trở lại	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.	x	x	x
06	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ/ 1.013022.H34	- 60 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đủ hồ sơ hợp lệ về việc cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ. - 60 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đủ hồ sơ hợp lệ và ý kiến của các cơ quan liên quan về việc cho phép mở rộng phạm vi hoạt động của quỹ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP của Chính phủ.	x	x	x

07	Thủ tục quỹ tự giải thể/ 1.013023.H34	Sau 60 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn ghi trong thông báo thanh toán nợ và thanh lý tài sản, tài chính của quỹ khi quỹ tự giải thể mà không có đơn khiếu nại.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		x	x	x
II TTHC CẤP HUYỆN: 07 TTHC								
01	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ/ 1.013024.H34	60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ và ý kiến của các cơ quan liên quan về việc cấp giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ quỹ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không		x	x	x
02	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ/ 1.013025.H34	- 60 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đủ hồ sơ hợp lệ về việc công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ. - 60 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đủ hồ sơ hợp lệ và ý kiến của các cơ quan liên quan về việc công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện. - Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP của Chính phủ.	x	x	x
03	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ/ 1.013026.H34	- 60 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đủ hồ sơ hợp lệ và ý kiến của các cơ quan liên quan về việc công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ;	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.	x	x	x

		- 60 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đủ hồ sơ hợp lệ về việc đổi tên quỹ			- Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP của Chính phủ.			
04	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ/ 1.013027.H34	60 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đơn hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không		x	x	x
05	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động/ 1.013028.H34	60 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đủ hồ sơ hợp lệ và ý kiến của các cơ quan liên quan về việc cho phép quỹ hoạt động trở lại	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không		x	x	x
06	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ/ 1.013029.H34	- 60 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đủ hồ sơ hợp lệ về việc cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ. - 60 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đủ hồ sơ hợp lệ và ý kiến của các cơ quan liên quan về việc cho phép mở rộng phạm vi hoạt động của quỹ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện. - Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP của Chính phủ.	x	x	x
07	Thủ tục quỹ tự giải thể/ 1.013030.H34	Sau 60 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn ghi trong thông báo thanh toán nợ và thanh lý tài sản, tài chính của quỹ khi quỹ tự giải thể mà không có đơn khiếu nại.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không		x	x	x

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ CẤP TỈNH: 09 TTHC

Số TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý quy định việc bãi bỏ TTHC
01	1.003822.000.00.00.H34	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.
02	2.001590.000.00.00.H34	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ	
03	2.001567.000.00.00.H34	Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	
04	1.003621.000.00.00.H34	Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ	
05	1.003916.000.00.00.H34	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	
06	1.003950.000.00.00.H34	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn hoạt động	
07	1.003920.000.00.00.H34	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ	
08	1.003879.000.00.00.H34	Thủ tục đổi tên quỹ	
09	1.003866.000.00.00.H34	Thủ tục quỹ tự giải thể	

Tổng cộng: 23 TTHC (trong đó, ban hành mới 14 TTHC (cấp tỉnh: 07 TTHC, cấp huyện: 07 TTHC); bãi bỏ 09 TTHC)